

Kính gửi: Thị trường Nagahama

《Bản năm tài chính 2027》

Trường Ủy ban giáo dục thành phố Nagahama

Tôi đồng ý nội dung 7 mục trên mặt sau của bản này, hiểu nội dung quyền hướng dẫn và xin cấp giấy chứng nhận cần thiết cho việc sử dụng trường mẫu giáo như sau.

1 Thông tin về trẻ và phụ huynh

		R		năm		tháng		ngày	
Katakana		Giới tính	Ngày sinh			Tuổi vào thời điểm ngày 1/4/2027			
Họ và tên của trẻ		☐ Nam ☐ Nữ	Reiwa	năm		tháng		ngày	
Địa chỉ	〒	Nơi chuyển đi đến	R năm tháng ngày (dự định)						
			Nagahama-shi (Thành phố Nagahama)						
Katakana		Số liên lạc	1	☐ Số cố định ☐ Số của bố ☐ Số của mẹ					
Họ và tên của phụ huynh			2	☐ Số cố định ☐ Số của bố ☐ Số của mẹ					
(Nếu tự ghi vào thì khỏi đóng dấu vào)			3	☐ Số cố định ☐ Số của bố ☐ Số của mẹ					

2 Nguyên vọng đi học

Thời gian đi học	Từ đầu tháng		R năm		☐ Đến khi trẻ lên trường cấp một ☐ Đến cuối tháng		R năm		☐ Trẻ chưa đủ 1 tuổi-2 tuổi: Tối đa là đến ngày 31 tháng 3 năm 2028.	
Tên trường	Nguyên vọng thứ nhất		Đ t r r ư ờ n h ã m	☐ Rời ☐ Chưa	※Vui lòng điền tên trường mà có thể đi được thôi. ※Trường hợp từ chối đi học ngay cả được quyết định vào trường thì trong mấy năm sau khi đăng ký lại sẽ bị trừ điểm.					
	Nguyên vọng thứ 2			☐ Rời ☐ Chưa						
	Nguyên vọng thứ 3			☐ Rời ☐ Chưa						
Kéo dài thời gian nghỉ thai sản	Nếu điền ✓ vào những mục sau thì thứ tự ưu tiên khi xem xét sẽ xuống lại (Bị trừ 20 điểm).									
	☐ Trường hợp không được gửi cho trường mìn nguyện vọng thì tôi chấp nhận kéo dài thời gian nghỉ thai sản.									
Đăng ký anh chị em cùng lúc	☐ Không ☐ Có→		☐ Tôi muốn gửi nếu vài con có thể đi cùng trường và cùng thời gian. ☐ Tôi muốn gửi trẻ ngay cả anh chị em đi trường khác hay chờ vào trường khác.							

3 Gia đình (Trừ trẻ xin đi học bằng bản này)

Thành viên gia đình (※1)	Quan hệ với trẻ	Katakana	Ngày sinh, tuổi		Địa chỉ vào thời điểm 1/1/2026		Tên công ty, tên trường, v.v. ...		Ở chung hay sống riêng	
		Họ và tên	※Tuổi vào thời điểm ngày 1/4/2027		1/1/2026					
	Bố		năm	tháng	ngày	☐ Sống ở TP. Nagahama ☐ Sống ngoài TP. Nagahama ()				☐ Ở chung ☐ Sống riêng
	Mẹ		năm	tháng	ngày	☐ Sống ở TP. Nagahama ☐ Sống ngoài TP. Nagahama ()				☐ Ở chung ☐ Sống riêng
			năm	tháng	ngày	☐ Sống ở TP. Nagahama ☐ Sống ngoài TP. Nagahama ()				☐ Ở chung ☐ Sống riêng
			năm	tháng	ngày	☐ Sống ở TP. Nagahama ☐ Sống ngoài TP. Nagahama ()				☐ Ở chung ☐ Sống riêng
đình (※2)			Họ và tên	Tuổi	Địa chỉ		Tên công ty		Tình trạng sức khỏe	
	Ông	Nội	Ông	Tuổi	☐ Ở chung ☐ Sống riêng				☐ Tốt ☐ Không tốt	
					Địa chỉ					
	Bà	Bà	Tuổi	☐ Ở chung ☐ Sống riêng				☐ Tốt ☐ Không tốt		
				Địa chỉ						
	Ông	Ngoài	Ông	Tuổi	☐ Ở chung ☐ Sống riêng				☐ Tốt ☐ Không tốt	
					Địa chỉ					
	Bà	Bà	Tuổi	☐ Ở chung ☐ Sống riêng				☐ Tốt ☐ Không tốt		
Địa chỉ										

※1Vui lòng điền cụ thể vào như phụ huynh một mình ở riêng để đi làm việc, anh chị em đang đi học, thành viên gia đình sống riêng, v. v nếu có. Vui lòng điền những người đăng ký cùng địa chỉ ngay cả hộ khác.

※2 Vui lòng điền tất cả ông bà vào ngay cả ở riêng hay ở chung.

4 Tình trạng chăm sóc trẻ ※Vui lòng điền họ và tên vào () nếu phụ huynh không phải bố hay mẹ.

Lý do cần gửi trẻ		Bố []		Mẹ []	
		☐ Đi làm ☐ Bị bệnh, khuyết tật		☐ Đi làm ☐ Mang thai, sinh em bé ☐ Bị bệnh, khuyết tật	
		☐ Chăm sóc người già, gia đình ☐ Mới gặp tai nạn thiên tai ☐ Đang xin việc làm		☐ Chăm sóc người già, gia đình ☐ Mới gặp tai nạn thiên tai ☐ Đang xin việc làm	
		☐ Đi học ☐ Kéo dài thời gian nghỉ thai sản ☐ Không có		☐ Đi học ☐ Kéo dài thời gian nghỉ thai sản ☐ Không có	
Thời gian nguyện vọng gửi trẻ		☐ Thời gian tiêu chuẩn để gửi trẻ (Tối đa là 11 tiếng) ☐ Thời gian gửi trẻ (Ngắn) (Tối đa là 8 tiếng)		※Thành phố tính và quyết định theo lý do và tình trạng của trẻ hay gia đình, v.v. Do đó, có khi không khớp với nguyện vọng. ※Trường hợp muốn thay đổi lý do hay thời gian gửi trẻ trong khi gửi trẻ thì vui lòng nộp Henkoutodoke (bản thay đổi nội dung đăng ký) trước ngày 20 của tháng trước muốn thay đổi.	
Thời gian	Thứ Hai-Thứ Sáu	giờ phút ~ giờ phút			
	Thứ Bảy	☐ Không cần ☐ Cần→ giờ phút ~ giờ phút			
Người gửi đến và đón	Gửi trẻ	☐ Bố ☐ Mẹ ☐ Ông ☐ Bà ☐ Khác ()			
	Đón trẻ	☐ Bố ☐ Mẹ ☐ Ông ☐ Bà ☐ Khác ()			
Phương tiện đi về		☐ Xe ô tô ☐ Xe đạp ☐ Đi bộ ☐ Xe tàu ☐ Xe buýt ☐ Xe máy ☐ Khác ()			

5 Tình trạng gia đình ※Vui lòng điền vào nếu có.

Seikatsuhogo (Bảo hộ sinh hoạt)		☐ Đang nhận (Bắt đầu nhận từ năm tháng ngày) ☐ Đang xin cấp
Họ chỉ bố hay mẹ nuôi con cái	Jidoufuyouteate (Trợ cấp nuôi con cái)	☐ Đang nhận ☐ Đang xin cấp ☐ Không có
	Lý do	☐ Ly hôn ☐ Vợ/chồng chết ☐ Chưa kết hôn ☐ Khác ()
Sở hữu sổ tay người khuyết tật, v.v. (Bao gồm trẻ xin cấp)		☐ Shintai shougaisha techou ☐ Seishinshougaisha hokenfukushi techou ☐ Ryouiku techou ☐ Tokubetsujidoufuyou teate (Trợ cấp nuôi dưỡng trẻ em đặc biệt) ☐ Shougaiso nenkin (Tiền lương hưu cơ bản cho người khuyết tật)

6 Tình trạng chăm sóc trẻ ※Vui lòng điền chính xác vào.

Tình trạng chăm sóc vào thời điểm này		☐ Chăm sóc ở nhà	Người chăm sóc	☐ Mẹ ☐ Bố ☐ Ông bà ☐ Khác ()	
		☐ Chăm sóc ngoài nhà	Loại cơ sở		Tên cơ sở
			☐ Hoikusho (Nhà trẻ)・Ninteikodomoen (Thời gian dài)		
			☐ Hoikusho (Nhà trẻ)・Ninteikodomoen (Thời gian ngắn)		
		☐ Cơ sở tư, cơ sở gửi trẻ một lần thôi, khác			
T i n h t r à n g s ứ c k h ỏ e	Bị thương, đi khám thường xuyên	☐ Không có ☐ Có→	Số lần đi khám lần bệnh, triệu chứng	Khoảng () lần trong ☐ năm ☐ tháng ☐ Tuần	
	Cần y tá theo dõi không?	☐ Không cần ☐ Cần→Nộp "Iryouteki care jisshi iraisho (Bản yêu cầu thực hành chăm sóc y tế)			
	Dị ứng	☐ Không có ☐ Có→ ☐ Trứng gà ☐ Sữa ☐ Mì ☐ Khác ()			
	Khám sức khỏe trẻ em	☐ Chưa khám lần nào. ☐ Có đi khám rồi.→ ☐ 4 tháng tuổi ☐ 10 tháng tuổi ☐ 1 tuổi 8 tháng ☐ 2 tuổi 8 tháng ☐ 3 tuổi 8 tháng			
	Nội dung hướng dẫn khi đi khám sức khỏe	☐ Không có ☐ Có→Nội dung ()			
	Tư vấn về phát triển của trẻ em	☐ Không ☐ Có→ ☐ Kenkousuishinka (Phòng thúc đẩy sức khỏe) ☐ Hattatsushienishitsu (Phòng hỗ trợ phát triển) ☐ Khác ()			
	Học tại cơ sở đặc biệt	☐ Không ☐ Có→ ☐ Hamanokoen ☐ Ichigoen ☐ Khác ()			
Những điều cần chú ý khác		☐ Không có ☐ Có→Nội dung cụ thể ()			
Trẻ em nước ngoài ※Vui lòng điền vào nếu đúng.	Tiếng mẹ	☐ Tiếng Bồ Đào Nha ☐ Tiếng Tây Ban Nha ☐ Tiếng Việt Nam ☐ Tiếng Phillipines ☐ Tiếng Trung			
		☐ Tiếng Anh ☐ Tiếng Hàn Quốc ☐ Khác ()			
	Biết tiếng Nhật không?	Bố	☐ Có ☐ Biết một chút thôi. ☐ Không biết→Cách phiên dịch ()		
		Mẹ	☐ Có ☐ Biết một chút thôi. ☐ Không biết→Cách phiên dịch ()		
		Trẻ	☐ Có ☐ Biết một chút thôi. ☐ Không biết→Cách phiên dịch ()		

7 Những điều đồng ý ※Nếu không điền ☑ vào hết thì không thể tiếp nhận được.

☐ Để thẩm tra và tính học phí, có khi thành phố tra và cấp thông tin cá nhân cần thiết của trẻ hay thành viên gia đình. ☐ Có khi thành phố đưa thông tin được ghi vào bản này hay thông tin liên quan đến phí phụ huynh trả cho trường đang gửi con hay trường nguyện vọng. ☐ Có trường hợp hủy bỏ sự chấp nhận vào trường và quyết định được vào trường nếu nội dung đăng ký (bao gồm giấy tờ kèm theo) không đúng. ☐ Nếu nội dung xin cấp thay đổi thì vui lòng báo ngay. Nếu không báo ngay thì có trường hợp được hủy bỏ tư cách nhận giấy chứng nhận. ☐ Có trường hợp thành phố điều tra về nội dung đăng ký (bao gồm giấy tờ kèm theo) đối với những người liên quan. ☐ Có trường hợp xin cơ quan liên quan cung cấp thông tin cần thiết như thông tin về khám sức khỏe trẻ em hay tư vấn phát triển trẻ em, v.v. ☐ Trong trường hợp phụ huynh nợ tiền đi học thì có khi thành phố nhờ cơ quan công cộng hay cơ quan liên quan điều tra về tài sản, tình trạng nợ tiền và thu lại, v.v.	Dấu tiếp nhận			
	Tiếp nhận	Thẩm tra đợt 1	Thẩm tra đợt 2	